

Bản án số: 86/2024/KDTM-PT

Ngày: 25 - 10 - 2024

V/v: “ Tranh chấp hợp đồng chuyển  
nhượng vốn góp”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thu

*Các Thẩm phán:*

Ông Cao Văn Tám

Ông Chung Văn Kết

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Thế Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Lê Tấn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 43/2024/TLPT-KDTM ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng vốn góp*”

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6428/2024/QĐPT ngày 10 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp V, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Vắng mặt.

Chỗ ở hiện nay: Số D Bà T, Khóm H, Phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà H:* Ông Lê Văn C, sinh năm 1998. Địa chỉ: Số G đường số A, Khu phố E, phường P, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

**- Bị đơn:**

1. Bà Võ Thị Cẩm N, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số C T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

2. Ông Phan Châu T, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số B T, Phường E, thị xã B, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh C1. Địa chỉ: Số A N, Phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

*Đại diện hợp pháp cho ngân hàng:* Bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1982 - Chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát Rủi ro – Chi nhánh C1. Vắng mặt.

- **Người kháng cáo:** Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Thu H.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**Bà Nguyễn Thị Thu H và đại diện theo ủy quyền của bà H trình bày:** Bà Nguyễn Thị Thu H là người đại diện pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N1 (Công ty TNHH MTV N1), chủ dự án trang trại chăn nuôi heo thịt Vườn Tre, được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T cấp Giấy chứng chỉ quy hoạch số 10/GPQH-UBND ngày 17/10/2017 và Giấy phép xây dựng số 68/GPXD -UBND ngày 06/08/2019. Bà H được UBND tỉnh C cấp chủ trương chấp thuận đầu tư: “Dự án trang trại chăn nuôi heo thịt Vườn Tre của Công ty TNHH MTV N1” theo Quyết định số 1559/QĐ-UBND ngày 24/09/2018. Sở Kế hoạch Đầu tư cấp Giấy đăng ký đầu tư số: 4753202383 ngày 24/09/2018 trên diện tích đất 12.700m<sup>2</sup> của Công ty TNHH MTV N1 (Công ty) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C cấp ngày 14/06/2019.

Trong quá trình thực hiện dự án do thiếu vốn bà H đã nhiều lần vay tiền của bà Võ Thị Cẩm N. Do bà H có lịch sử nợ xấu không vay được vốn nên bà H và bà N đã bàn với nhau để bà N làm đại diện pháp luật để tiếp tục vay vốn ngân hàng cùng thực hiện dự án và bà H có tiền trả nợ cho bà N. Ngày 31/10/2019, bà N và bà H có ký giấy cam kết thỏa thuận về việc thực hiện hợp đồng hợp tác, nội dung như sau: Bà N và ông T đầu tư 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng); trong đó bà N 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) và ông T 1.000.000.000đ (một tỷ đồng). Bà H góp quyền sử dụng đất diện tích 12.700m<sup>2</sup> và toàn bộ dự án Trang trại heo thịt Vườn Tre. Thời gian các bên hợp tác là 10 năm; lợi nhuận chia cho bà N và ông T 50% (bà N được 30%, ông T được 20%) sau khi đã trừ hết các khoản chi phí, phần của bà H là 50%. Tiền vay của bà N vẫn tính lãi 5% cho đến khi vay ngân hàng ra trả lại cho bà N cả vốn và lãi theo từng đợt. Ưu tiên tiền xây dựng dự án cho bên thi công.

Nhằm để hợp thức hóa việc vay vốn ngân hàng thực hiện dự án, bà H đã chuyển tên và quyền sở hữu Công ty N1 để bà N đứng tên vay vốn. Đến ngày 17/8/2020, các bên làm hợp đồng chuyển nhượng vốn nhưng thực tế không chuyển vốn điều lệ mà mục đích để vay vốn Ngân hàng thực hiện dự án và hoạt động. Sau đó 02 bên thỏa thuận ký 02 bộ hồ sơ gốc của Sở kế hoạch đầu tư:

1. Từ bà Nguyễn Thị Thu H chuyển sang bà Võ Thị Cẩm N
2. Từ bà Võ Thị Cẩm N chuyển qua bà Nguyễn Thị Thu H.

Sau khi bà H ký xong từ bà Nguyễn Thị Thu H chuyển sang bà Võ Thị Cẩm N thì bà N đã cầm bộ hồ sơ đi làm chuyển nhượng để đứng tên vay ngân hàng mà không ký chuyển ngược lại cho bà H như đã thỏa thuận lúc ban đầu. Bà N nói rằng khi vay ngân hàng ra sẽ cùng quản lý số tiền vay từ tài sản của Công ty N1 để tiếp tục xây dựng dự án và trả số tiền nợ mà bà H vay trước đó của bà N. Tuy nhiên khi ngân hàng giải ngân 3.500.000.000đ (Ba tỷ năm trăm triệu đồng) bà N tự ý tính toán và chi tiêu số tiền ấy vào công trình cũng như trả nợ mà không cho bà biết. Bà N và ông T bàn bạc với đơn vị thi công mà không thông qua bà H. Khi bà H hỏi, bà N đưa cho bà giấy vay tiền trước đó được bà N tính cả vốn lẫn lãi và yêu cầu bà ký vào giấy vay tiền ngày 12/03/2020 là 5.484.000.000đ (Năm tỷ bốn trăm tám mươi bốn triệu đồng).

Sau đó, giữa hai bên phát sinh tranh chấp nên bà H khởi kiện ra Tòa, hai bên đã thương lượng rút đơn khởi kiện theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại số 01/2020/QĐ-ST-KDTM ngày 15/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bằng một thỏa thuận kèm theo (Giấy thỏa thuận ngày 15/12/2020).

Bà H đã đóng lãi Ngân hàng cho khoản vay 3.500.000.000đ (ba tỷ năm trăm triệu đồng) cho Ngân hàng S1 chi nhánh C1 gần 10 tháng và bà vay mượn thêm bạn bè để tiếp tục thi công hàng rào, khoan cây nước trong dự án. Bà đã cùng Công ty thiết kế xử lý lại bản vẽ và dự toán tổng chi phí khoảng 1.100.000.000đ (một tỷ một trăm triệu đồng). Trong khi chờ đợi Ngân hàng cho vay để tiếp tục dự án, bà N và ông T luôn tuyên bố dự án này là của mình, bà H không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chỉ là người làm thuê được mượn coi dự án. Quá bức xúc, bà H ngưng đóng lãi Ngân hàng vào tháng 12/2021 và tiếp tục ở đó coi sóc công trình. Bà N và ông T đã cho một số đối tượng vào dỡ nhà tạm trong công trình và đuổi bà ra khỏi công trình, có hình ảnh kèm theo.

Hiện nay bà N và ông T không ký thủ tục giao trả Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N1 cho bà H. Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án tỉnh Cà Mau tuyên xử:

1. Huỷ hợp đồng chuyển nhượng vốn ngày 17/8/2020.
2. Huỷ hợp đồng hợp tác giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N1 với bà Võ Thị Cẩm N, ông Phan Châu T.
3. Kiến nghị Sở kế hoạch và Đầu tư thu hồi, điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty N1 đứng tên bà N sang bà H đứng tên.

**\* Ông Phan Châu T và bà Võ Thị Cẩm N trình bày:**

Ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H huỷ hợp đồng chuyển nhượng ngày 17/8/2020 với lý do: Ngày 17/8/2020 bà H cùng bà N đến Văn Phòng một cửa của tỉnh Cà Mau để ký hợp đồng chuyển nhượng Công ty TNHH MTV N1 là tự nguyện (không ai đe dọa, ép buộc, khủng bố tinh thần cả) mà do phía bà H mượn tiền không còn khả năng thanh toán nên đã phải ký chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của Công ty TNHH MTV N1 để thanh toán nợ.

Đối với yêu cầu của bà H về việc hủy hợp đồng hợp tác giữa Công ty TNHH MTV N1 với ông T, bà N, thực tế là bà H mượn tiền 1.000.000.000 (một tỷ đồng) để đóng thuế chuyển mục đích sử dụng đất, khi nào đất chuyển mục đích sử dụng xong và được Sở Xây dựng cấp phép xây dựng thì sẽ vay ngân hàng trả lại tiền. Trong việc này, bà H đã lừa ông bà lấy tiền để trả nợ (vì bản thân bà H lúc này đã bị nợ xấu không ngân hàng nào dám cho vay). Bà H còn giả chữ ký của bà N để chuyển quyền sở hữu Công ty TNHH MTV N1) từ bà N sang trở lại cho bà H nhưng bà N phát hiện.

Vào ngày 20/10/2020, bà H cũng đã có gửi đơn khởi kiện đến Tòa án. Tòa án đã hòa giải và hai bên cũng có ký Biên bản thỏa thuận ngày 11/11/2020. Tuy nhiên, bà H không thực hiện theo thỏa thuận trên mà cố tình né tránh với nhiều lý do. Hiện tại, Công ty do bà N và ông T điều hành đã tiến hành thi công san lấp mặt bằng và hoàn thiện dự án đưa vào hoạt động, đồng thời mở rộng chức năng kinh doanh của Công ty nâng vốn điều lệ từ 4 tỷ đồng ban đầu nay lên hơn 9 tỷ đồng.

Hiện nay Công ty vẫn đang hoạt động kinh doanh ổn định. Năm 2022, Công ty nộp thuế cho nhà nước 11.800.000 đồng (Mười một triệu tám trăm nghìn đồng). Do vậy bà N, ông T đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

***\* Ý kiến của Ngân hàng TMCP S.***

Do có tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Thu H với ông Phan Châu T và bà Võ Thị Cẩm N do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

+ Buộc Công ty TNHH MTV N1 trả ngay cho ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 12/9/2023 là 3.161.219.178 đồng.

+ Trường hợp Công ty TNHH MTV N1 không trả nợ yêu cầu Tòa án cho phát mãi tài sản thế chấp là: Toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 727, tờ bản đồ 15, diện tích 12.700m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp V, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau, theo giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số CR321436, số vào sổ cấp GCN: CT02889 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C cấp ngày 14/6/2019, đứng tên Công ty TNHH MTV N1.

***\* Ý kiến của ông T, bà N đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng:***

Ngày 20/3/2020, bà Võ Thị Cẩm N là người đại diện pháp luật hợp pháp của Công ty N1 ký hợp đồng 2007800771 với Ngân hàng S1 chi nhánh C1 vay số tiền là 3.500.000.000đ (ba tỷ năm trăm triệu đồng) mục đích sử dụng vốn dùng để xây dựng trang trại chăn nuôi heo thịt tại ấp V, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau, đây là hợp đồng vay trung hạn.

Trong quá trình Công ty đang đầu tư xây dựng trang trại thì ngày 22/5/2020, bà Nguyễn Thị Thu H đã giả chữ ký, con dấu của Công ty N1 chuyển toàn bộ hồ sơ pháp lý sang tên mình và bà đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Khi có được giấy này bà H đã đến Ngân hàng S1 chi nhánh C1 đề

ngợi Ngân hàng không giải ngân tiếp cho Công ty N1. Sau khi Ngân hàng tiếp nhận thông tin này phía Ngân hàng đã điện thoại thông báo cho bà N. Bà N đã làm đơn gửi Phòng Đăng ký Kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh C. Ngày 08/8/2020, Phòng Đăng ký kinh doanh đã có thư mời bà H, bà N, ông T đến Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh làm việc tại đây bà H đã thừa nhận giả chữ ký của bà N, con dấu của Công ty K để sang qua tên của mình. Lãnh đạo Phòng kinh doanh yêu cầu bà H trong vòng 3 ngày kể từ ngày 08/8/2020, bà H phải đến văn phòng một cửa ký trả toàn bộ hồ sơ pháp lý Công ty Ngọc Thiên A lại cho bà N nếu không Phòng Đăng ký Kinh doanh sẽ chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra. Ngày 12/8/2020, bà H đã đến văn phòng một cửa ký chuyển giao toàn bộ hồ sơ pháp lý liên quan đến Công ty N1 cho bà N.

Ngày 19/8/2020, Phòng Đăng ký Kinh doanh đã cấp lại lần thứ 10 cho bà Võ Thị Cẩm N là người đại diện pháp luật hợp pháp của Công ty N1. Từ vụ việc bà H giả chữ ký để sang tên, Ngân hàng S1 cũng đã ngưng tài trợ cho Công ty H1 dự án xây dựng trang trại. Tuy nhiên, Công ty vẫn kinh doanh để hàng tháng trả lãi và nợ gốc cho Ngân hàng đầy đủ. Sau đó, phía Ngân hàng yêu cầu ký trả lại hợp đồng thế chấp là ngắn hạn với số tiền còn lại đang nợ là: 3.150.000.000đ (ba tỷ một trăm năm mươi triệu đồng). Hiện nay, hàng tháng, Công ty vẫn đóng lãi cho Ngân hàng đúng quy định. Bà N, ông T thống nhất trả nợ cho Ngân hàng, nhưng đến thời gian đáo hạn vào 30/3/2024 thì sẽ tắt toán toàn bộ khoản vay cho Ngân hàng.

**Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 16/4/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau quyết định:**

1. Đình chỉ đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng thương mại cổ phần S buộc Công ty TNHH MTV N1 trả cho Ngân hàng S1 chi nhánh C1 tổng số tiền tính đến ngày 12/9/2023 là 3.161.219.178 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H về việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp 17/8/2020 được ký kết giữa bà N và bà H và Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa bà H và bà N là vô hiệu.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà H về việc yêu cầu Kiến nghị Sở kế hoạch và Đầu tư thu hồi, điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty N1 đứng tên bà N sang bà H đứng tên.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 24/4/2024, bà Nguyễn Thị Thu H có đơn kháng cáo.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

*Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thu H có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Văn C trình bày:*

Mục đích ký hợp đồng hợp tác với bà N là để làm tin đối với khoản vay của bà N cho bà H. Đồng thời, do nợ xấu nên bà H không thể vay vốn ngân hàng nên

đã lập hợp đồng chuyên nhượng. Bản chất của các hợp đồng là để đảm bảo cho khoản vay của bà H. Do đó, phía bà H vẫn giữ quan điểm đã trình bày ở đơn kháng cáo và đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

*Bị đơn ông Phan Châu T trình bày:*

Vẫn giữ nguyên quan điểm và trình bày tại cấp sơ thẩm. Bản án sơ thẩm tuyên là có căn cứ đúng pháp luật. Bà H kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết mới chứng minh cho yêu cầu của mình nên kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ, đề nghị HĐXX bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H làm trong hạn luật định và hợp lệ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: Nguyên đơn không đưa ra được căn cứ pháp luật và chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H làm trong hạn luật định, là hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại cấp sơ thẩm, Tòa án đưa Ngân hàng S1 (Ngân hàng) vào tham gia tố tụng do đây là tổ chức tín dụng có khoản cho vay đối với Công ty TNHH MTV N1. Phía Ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập yêu cầu trả số nợ vay tổng cộng là 3.161.219.178 đồng, nhưng sau đó Ngân hàng đã có đơn rút yêu cầu khởi kiện, nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ đối với yêu cầu này của Ngân hàng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn liên quan đến hai hợp đồng chuyên nhượng vốn góp ngày 17/8/2020 và hợp đồng hợp tác đang tranh chấp thấy rằng:

Về hợp đồng hợp tác kinh doanh (không ghi ngày), các bên đều xác nhận việc ký hợp đồng hợp tác kinh doanh để đảm bảo cho việc thanh toán khoản vay.

Thực tế, sau khi ký kết các bên không thực hiện các nội dung ghi nhận tại giao dịch hợp tác kinh doanh giữa hai bên, các bên đã ký hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 17/8/2020 và thực hiện theo hợp đồng này.

Về Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 17/8/2020: Giữa bà H với bà N và ông T có ký kết Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 17/8/2020. Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện đề nghị hủy hợp đồng này với lý do các hợp đồng này là giả cách để che giấu giao dịch vay nợ giữa bà H với bà Võ Thị Cẩm N, để nhờ bị đơn là bà H vay vốn Ngân hàng dùm vì bản thân bà H có lịch sử nợ xấu. Phía bị đơn, bà N và Phan Châu T không đồng ý với yêu cầu của bà H và xác định hợp đồng chuyển nhượng vốn góp này là có thật, không phải là giả cách mà được ký kết để đối trừ các khoản nợ giữa hai bên. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận thực tế bà H có vay nợ tiền bà N. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của bà H xác nhận cho đến nay, bà H vẫn chưa trả được nợ.

Trong khi đó, Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 17/8/2020 được lập bằng văn bản, người mua, người bán có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, khi các bên tham gia ký kết đều trên tinh thần tự nguyện, bình đẳng phù hợp với qui định của Bộ luật dân sự trong quá trình thực hiện giao dịch ký kết hợp đồng. Việc chuyển nhượng đã thực hiện theo đúng trình tự thủ tục luật định và đã được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh C chấp thuận. Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 17/8/2020 được ký kết giữa bà N và bà H đã thực hiện xong, bà N đã giao đủ tiền bằng cách đối trừ nợ và tiếp nhận Công ty. Từ khi nhận chuyển nhượng đến nay phía bị đơn là bà N đã đầu tư thêm và đưa Công ty hoạt động trên thực tế. Bà N và ông T đã tăng vốn điều lệ ban đầu của Công ty từ 4 tỷ đồng lên hơn 9 tỷ đồng và hằng năm bà N đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ cho Nhà nước.

Ngày 22/5/2020, bà Nguyễn Thị Thu H đã giả chữ ký, con dấu của Công ty N1 chuyển toàn bộ hồ sơ pháp lý sang tên bà H và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Tuy nhiên, khi bà N phát hiện, bà N đã làm đơn gửi Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh C. Ngày 08/8/2020 Sở kế hoạch và Đầu tư đã mời làm việc với bà H và bà H thừa nhận toàn bộ việc làm giả chữ ký này. Ngày 12/8/2020 bà H đã đến văn phòng một cửa để ký chuyển giao toàn bộ hồ sơ pháp lý liên quan đến Công ty N1 trả lại cho bà N.

Mặt khác, vào năm 2020 bà H đã có đơn khởi kiện bà N và ông T nhưng giữa hai bên đã thỏa thuận được và thống nhất thực hiện theo nội dung biên bản thỏa thuận ngày 11/11/2020 do Tòa án lập, từ đó bà H đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Theo nội dung thỏa thuận tại biên bản trên thì bà H phải thanh toán cho bà N và ông T tổng số tiền 6.865.240.000 đồng (có nêu ra chi tiết số tiền tại biên bản). Bà H có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm số tiền theo thỏa thuận hạn chót là ngày 10/01/2021 thì phía bà N và ông T sẽ ký chuyển nhượng trả lại toàn bộ Công ty cho bà H. Việc các bên xác lập biên bản thỏa thuận ngày 11/11/2020 này phù hợp với diễn biến quá trình đối trừ nợ, chuyển nhượng vốn góp như phía bị đơn trình bày. Tuy nhiên,

bà H đã không thực hiện việc thanh toán số tiền theo nội dung thỏa thuận nêu trên nên các bên tiếp tục xảy ra tranh chấp. Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn bà N trình bày chỉ đồng ý làm thủ tục chuyển nhượng lại Công ty cho bà H với giá 11 tỷ đồng (bao gồm 6.865.240.000 đồng theo thỏa thuận trước đây và 5 tỷ tiền tăng vốn điều lệ Công ty) nhưng phía bà H không đồng ý trả tiền.

Như vậy, giao dịch chuyển nhượng vốn góp giữa các bên được các bên ký kết và thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật, đã hoàn thành. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N là phù hợp. Trên cơ sở đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thu H. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2024/KDTM-ST ngày 16/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau như sau:

1. Đình chỉ đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng thương mại cổ phần S buộc Công ty TNHH MTV N1 trả cho Ngân hàng S1 chi nhánh C1 tổng số tiền tính đến ngày 12/9/2023 là 3.161.219.178 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H về việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp 17/8/2020 được ký kết giữa bà N và bà H và Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa bà H và bà N là vô hiệu.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà H về việc yêu cầu Kiến nghị Sở kế hoạch và Đầu tư thu hồi, điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty N1 đứng tên bà N sang bà H đứng tên.

4. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thu H phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 (hai triệu) đồng. Được căn trừ với số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm mà bà H đã nộp theo Biên lai đóng tạm ứng án phí số 0000146 ngày 02/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự



tỉnh Cà Mau. Bà Nguyễn Thu H đã nộp đủ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Các Thẩm phán** **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Chung Văn Kết**

**Cao Văn Tám**

**Bùi Thị Thu**

*Nơi nhận:*

- Toà án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; ĐTM.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Thu**